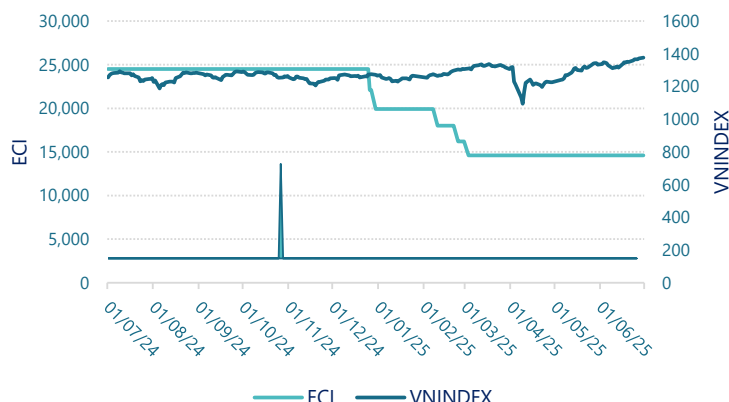


CTCP Tập đoàn ECI (HNX: ECI)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	14,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,600
SL cổ phiếu LH	1,760,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	4.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	26
P/E	14.1
EPS	1,032

DT thuần

Q2/25

0.00

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.01 | -84.7%

YoY: ▼0.60 | -99.7%

LN sau thuế

Q2/25

-0.36

tỷ VNĐ

QoQ: ▲0.72 | 67.1%

YoY: ▲1.42 | 80.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-19530%

+/- YoY: ▼19271%

DT thuần

6T 2025

0.01

tỷ VNĐ

YoY: ▼2.49 | -99.6%

LN sau thuế

6T 2025

-1.44

tỷ VNĐ

YoY: ▲2.01 | 58.2%

ROE

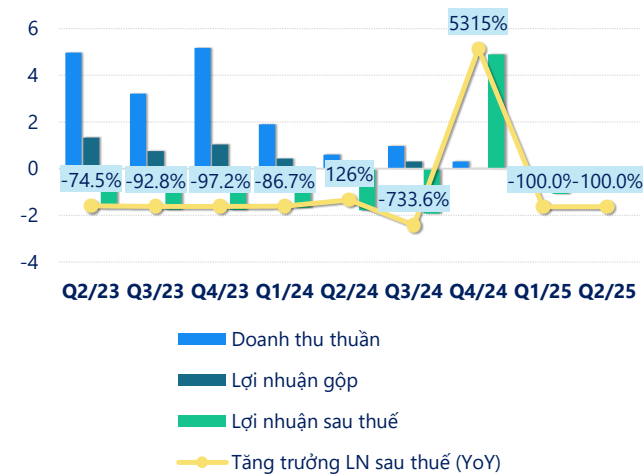
Q2/25

5.7%

+/- YoY: ▲26.2%

tỷ VNĐ

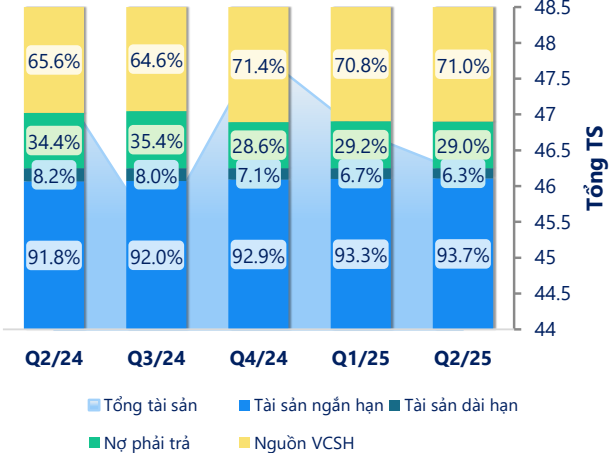
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

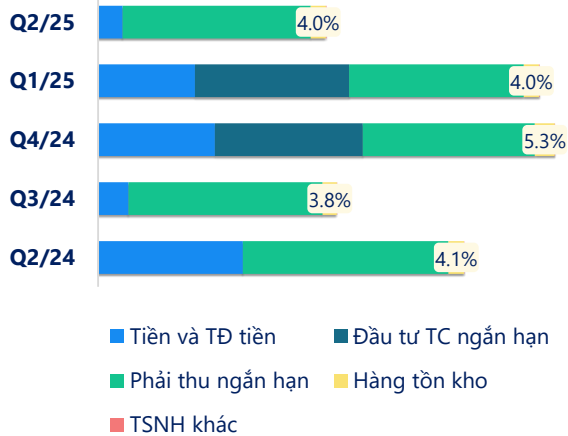
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



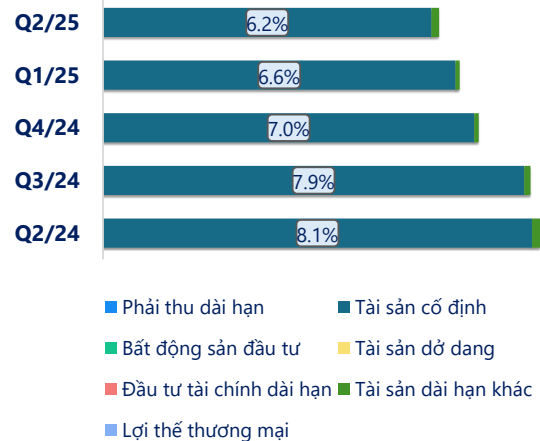
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

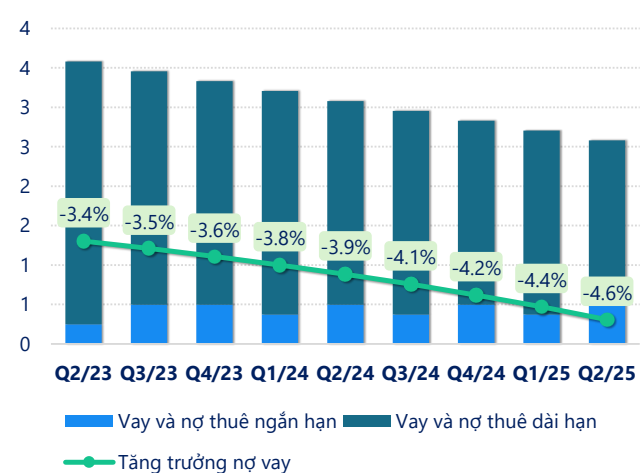
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

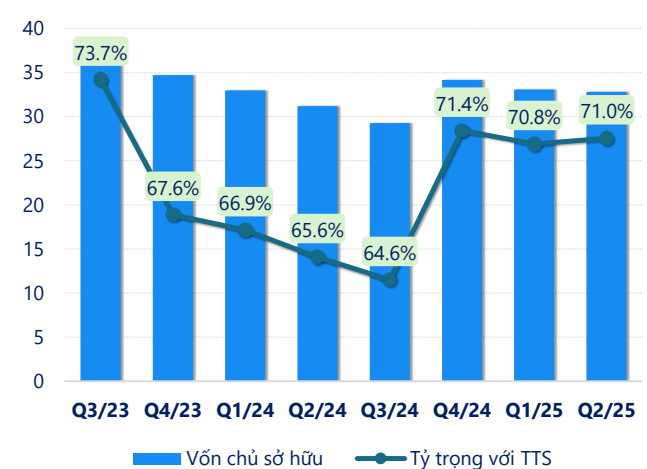
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

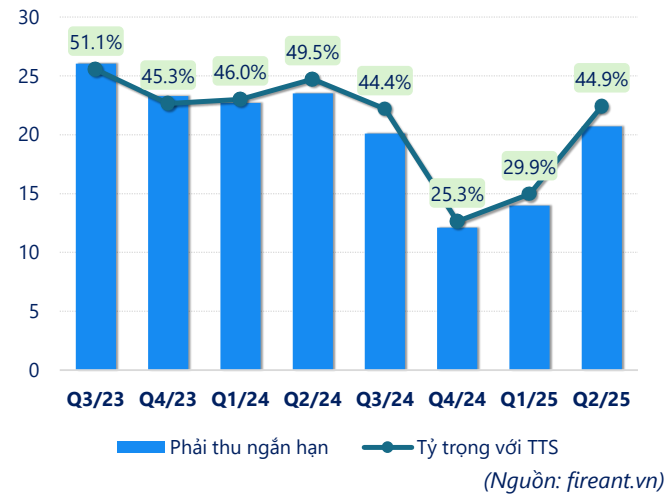
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

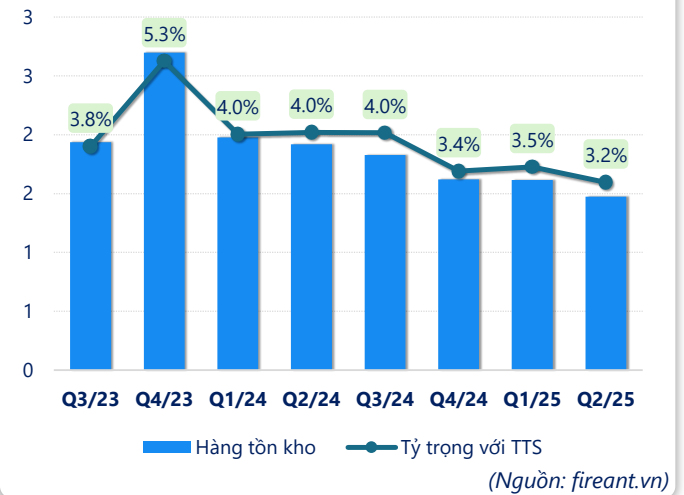


(Nguồn: fireant.vn)

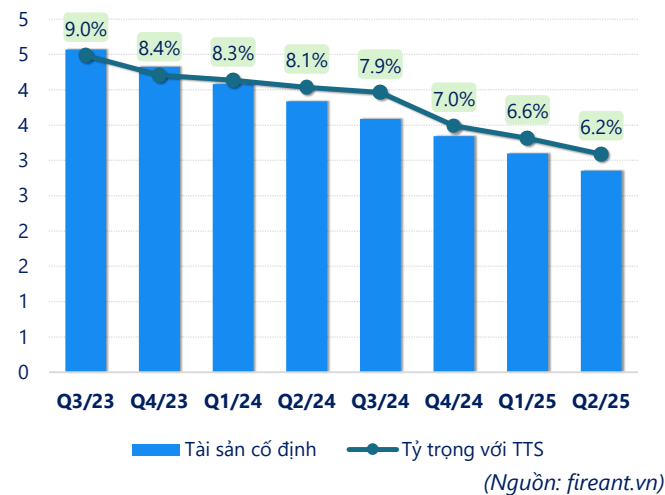
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


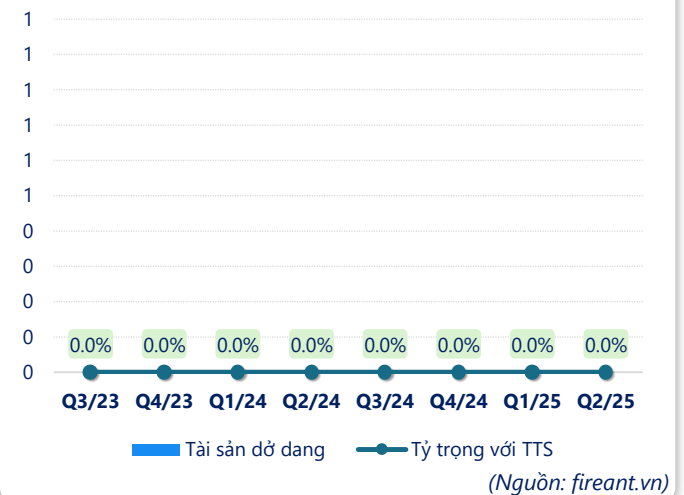
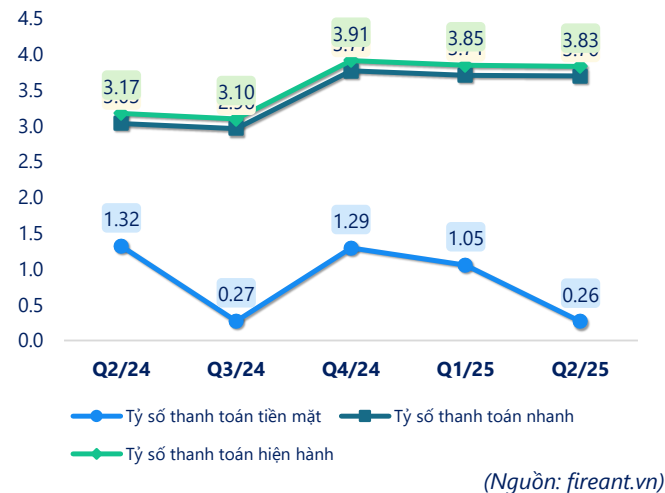
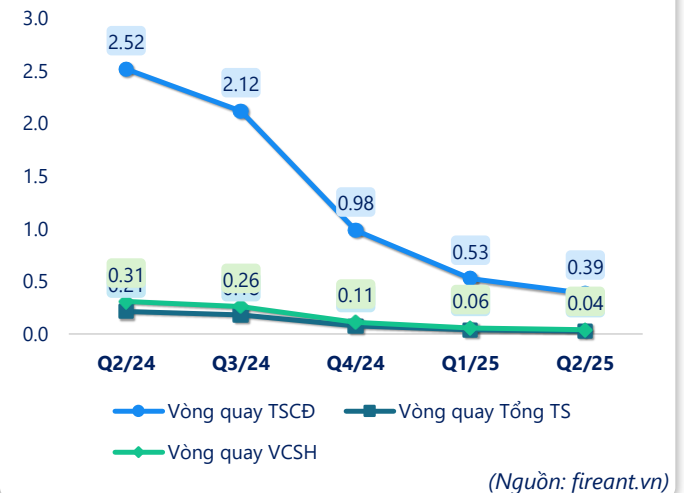
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	47.5	45.3	47.9	46.8	46.2
Tài sản ngắn hạn	43.6	41.7	44.5	43.6	43.3
Tiền và tương đương tiền	18.1	3.63	14.7	11.9	2.99
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	16.0	16.0	16.0	16.0
Phải thu ngắn hạn	23.5	20.1	12.1	14.0	20.7
Hàng tồn kho	1.92	1.83	1.62	1.61	1.47
Tài sản ngắn hạn khác	0.08	0.10	0.05	0.08	2.09
Tài sản dài hạn	3.91	3.64	3.38	3.14	2.92
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	3.83	3.59	3.34	3.10	2.85
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.07	0.05	0.04	0.04	0.07
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	16.3	16.0	13.7	13.7	13.4
Nợ ngắn hạn	13.8	13.5	11.4	11.3	11.3
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.50	0.37	0.50	0.37	0.50
Phải trả người bán ngắn hạn	9.40	9.55	7.18	7.23	7.39
Nợ dài hạn	2.58	2.58	2.33	2.33	2.08
Vay và nợ thuê dài hạn	2.58	2.58	2.33	2.33	2.08
Nguồn vốn chủ sở hữu	31.2	29.3	34.2	33.1	32.8
Vốn chủ sở hữu	31.2	29.3	34.2	33.1	32.8
Vốn điều lệ	18.6	18.6	18.6	18.6	18.6
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)